TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 08-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Ông Vũ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 556/2019/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, số 109 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Lê P; nơi ĐKHKTT: Số 524 tổ 21 phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: Thôn L, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, là nhân viên xử lý nợ - Phòng kinh doanh, GBank - Chi nhánh Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 02.01/2019/UQ-GĐ ngày 17/01/2019); có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; nơi ĐKHKTT: Số 29A/246B đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân P); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T; nơi cư trú: Số 7/213 P2, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11 tháng 5 năm 2011, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần D tại Hải Phòng (nay chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D chi nhánh Hải Phòng (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu (bên vay) có ký Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 với nội dung: Ngân hàng cho bên vay số tiền là: 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sủ dụng 150m^2 tại xã Đ, huyện H; nay là phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07895 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H) cấp ngày 17 tháng 5 năm 2001 đứng tên bà Trịnh Thị T. Chi tiết về việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 0348/HĐTC/GPBHP/09 ngày 11/11/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa GP Bank với Doanh nghiệp tư nhân P và bên thứ ba là bà Trịnh Thị T.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HDTD/GPB-HP, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay, ngày 11/11/2011 món vay chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã có công văn thông báo cũng như xuống làm việc trực tiếp với Doanh nghiệp tư nhân P, chủ tài sản bảo lãnh là bà Trịnh Thị T về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu các bên có tài sản tìm mọi biện pháp để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng, nhưng phía gia đình chủ tài sản thế chấp vẫn cố tình gây khó dễ và không chịu bàn giao. Dư nợ tín dụng của bên vay theo Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 08/10/2019 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi cụ thể: Nợ gốc là: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 7.043.671 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.954.937.066 đồng. Tổng cộng là: 2.661.980.737 đồng.

Ngày 14/09/2011, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0267/2011/HDTD/GPB-HP, với nội dung: Ngân hàng cho Doanh nghiệp tư nhân P vay với số tiền là: 1.500.000.000

đồng (một tỷ, năm trăm triệu) đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng, lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của GP.Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của GP.Bank tại từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 731m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thôn S, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hồ sơ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 057920 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00355-KT-08-Q1 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/11/2005 đứng tên ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Th. Chi tiết về việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 0256/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 14/09/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa GP Bank với Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu và bên thứ ba là ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Th. Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay, ngày 20/12/2011 món vay chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng cũng đã có công văn thông báo cũng như xuống làm việc trực tiếp với Doanh nghiệp tư nhân P, chủ tài sản bảo lãnh, thế chấp là vợ chồng ông Bùi Văn T1 cùng vợ là bà Trương Thị T2 về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Doanh nghiệp tư nhân P đối với Ngân hàng. Đến tháng 08/2015 sau nhiều lần làm việc, phía Doanh nghiệp tư nhân P và chủ tài sản là bà Trương Thị T2 cùng chồng là ông Bùi Văn T1 đã thống nhất và đồng ý đưa tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0256/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 14/09/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa GP Bank với Doanh nghiệp tư nhân P và bên thứ ba là ông Bùi Văn T1và bà Trương Thị T2 để xử lý theo hình thức bán đấu giá tài sản và giao cho Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật liên quan đến đấu giá tài sản. Tới thời điểm tháng 03/2018 tài sản mới bán thành công ở mức giá 750.000.000 đồng. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sau khi trừ đi các chi phí liên quan theo quy định đã được ngân hàng thu nợ số tiền là 694.365.980 đồng. Tuy nhiên, số tiền từ việc phát mại tài sản chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ nợ của Doanh nghiệp tư nhân P. Hiện tổng dư nợ tín dụng của Doanh nghiệp tư nhân P theo Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 08/10/2019 bao gồm dư nợ gốc và dư nợ lãi cụ thể: Nợ gốc là: 805.634.020 đồng; nợ lãi trong hạn là: 164.916.666 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.474.553.026 đồng. Tổng cộng là: 4.445.103.712 đồng.

Tổng dư nợ phải trả theo Hợp đồng số 0123/2011/HDTD/GPB-HP ký ngày 11/05/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HDTD/GPB-HP ký ngày

14/09/2011 của Doanh nghiệp tư nhân P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 08/10/2019 cụ thể như sau: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; nợ lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; nợ lãi quá hạn là 5.429.490.092 đồng. Tổng cộng là: 7.107.084.449 (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng.

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng của bên vay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Để bảo đảm thu hồi vốn vay, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 với số tiền là: 2.661.980.737 đồng; trong đó nợ gốc là: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 7.043.671 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.954.937.066 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 là 4.445.103.712 đồng; trong đó nợ gốc là: 805.634.020 đồng; nợ lãi trong hạn là: 164.916.666 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.474.553.026 đồng. Tổng cộng của 02 Hợp đồng nêu trên là: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; lãi quá hạn là: 5.429.490.092 đồng. Tổng cộng là: 7.107.084.449 đồng (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc tính từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P chưa thanh toán hoặc không thanh toán được khoản nợ nêu trên, đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sủ dụng 150m^2 tại xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng) được Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966 ngày 17/5/2001 đứng tên bà Trịnh Thị T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011. Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, không tiến hành được việc lấy lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nội dung nêu trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 280, 281, 285, 286, 290, 302, 305, 342, 343, 388, 389, 401, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng; căn cứ mục 3 khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hiến - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 bao gồm: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; lãi quá hạn là: 5.429.490.092 đồng. Tổng cộng là: 7.107.084.449 đồng (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P chưa thanh toán hoặc không thanh toán được khoản nợ nêu trên, đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sủ dụng 150m^2 tại xã Đông Hải, huyện An Hải (nay là phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện A,

thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966 ngày 17/5/2001 cho bà Trịnh Thị T để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011. Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật áp dụng:

[1] Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HDTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HDTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D và bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D và bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P với mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P có địa chỉ trụ sở tại: 29A/246B đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân quận N thụ lý vụ án; đến ngày 27 tháng 8 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 556/2019/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2019 cho bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Thực hiện hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11 tháng 5 năm 2011 Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay theo Khế ước nhận nợ số 0123.01/2011/KUNN/GPB-HP ngày 11/5/2011. Số tiền vay: 700.000.000 đồng. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngày 11/11/2011, khoản vay chuyển thành nợ quá hạn.

[7] Thực hiện hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay theo Khế ước nhận nợ số 0267.01/2011/KUNN/GPB-HP ngày 15/9/2011. Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngày 20/12/2011, khoản vay chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng đã liên tục gửi công văn đôn đốc nợ nhưng đến nay phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

[8] Các ngày 05/12/2011, 17/10/2012, 29/6/2014, 21/9/2015 và tại các buổi làm việc giữa nguyên đơn, bị đơn đều đã xác nhận khoản vay trên là đúng, bị đơn xác nhận có trách nhiệm trả cho nguyên đơn và có nêu hiện tại phía bị đơn hiện nay tình hình kinh tế khó khăn, đề nghị nguyên đơn kéo dài thời gian để bị đơn thu xếp nhưng cho đến nay phía bị đơn vẫn không thực hiện như cam kết tại các buổi làm việc như nội dung nêu trên. Như vậy việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết tại Hợp đồng tín dụng của bị đơn đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng. Để bảo đảm thu hồi vốn vay, Ngân hàng đề nghị Toà án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hiến – Chủ doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 được tính đến ngày xét xử 08/10/2019 theo bảng sao kê với số tiền: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; nợ lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; nợ lãi quá hạn

là: 5.429.490.092 đồng. Tổng cộng là: 7.107.084.449 đồng (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn chín) đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[9] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 08/10/2019. Trong đó: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; lãi quá hạn là: 5.429.490.092 đồng. Tổng cộng là: 7.107.084.449 đồng (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn chín) đồng.

[10] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

[11] Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

Tài sản 1: Toàn bộ diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sủ dụng 150m^2 tại xã Đông Hải, huyện Hải An; nay là phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07895 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H) cấp ngày 17 tháng 5 năm 2001 đứng tên bà Trịnh Thị T.

Tài sản 2: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 731m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thôn S, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hồ sơ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 057920 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00355-KT-08-Q1 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/11/2005 đứng tên ông Bùi Văn T1 và bà Trương Thị T2h. Đối với tài sản 2, thời điểm tháng 03/2018 tài sản được bán đấu giá ở mức giá 750.000.000 đồng. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sau khi trừ đi các chi phí liên quan theo quy định đã được ngân hàng thu nợ được số tiền là 694.365.980 đồng; ngân hàng đã giải chấp tài sản này. Tuy nhiên, số tiền từ việc phát mại tài sản chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ nợ của Doanh nghiệp tư nhân P.

[12] Ngày 06/8/2019, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2019 thể hiện: Hiện tại tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp tại ngân hàng.

[13] Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 796.KD/09.TCTS ngày 11/11/2009 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P và bà Trịnh Thị T là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng chứng nhận ngày 11/11/2009 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận H, thành phố Hải Phòng ngày 12/11/2009 theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với nội dung đơn yêu cầu, biên bản định giá tài sản giữa bên nhận thế chấp (Ngân hàng) và bên thế chấp là (bà Thắm). Hợp đồng thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

[14] Xét nghĩa vụ bảo đảm đối với khoản vay của bị đơn: Tại khoản 5 Điều V của Hợp đồng thế chấp tài sản quy định: Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay/Bên được cấp tín dụng với GBANK(gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác)... Bên thế chấp cam kết trả thay cho bên vay/Bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên vay/Bên được cấp tín dụng với GBANK đã nêu tại điều này nếu bên vay/Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, nghĩa vụ bảo đảm mà bà Trịnh Thị Thắm phải chịu trách nhiệm là toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 được tính đến ngày 08/10/2019 là 2.661.980.737 đồng; trong đó nợ gốc là: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 7.043.671 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.954.937.066 đồng.

[15] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P chưa thanh toán hoặc không thanh toán được khoản nợ nêu trên, đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sử dụng 150m^2 tại xã Đông Hải, huyện H, thành phố Hải Phòng; nay là phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07895 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là quận H, thành phối Hải Phòng) cấp ngày 17 tháng 5 năm 2001 đứng tên bà Trịnh Thị T. Nghĩa vụ bảo đảm mà bà Trịnh Thị T phải chịu trách nhiệm là toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số

0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011. Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P còn phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

+ Về án phí:

[16] Bị đơn bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải nộp 115.107.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo bản án:

[17] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 121, 122, 124, khoản 1 Điều 319, các điều 342, 388, 389, 471, 474, 476, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7, Điều 12, Điều 56 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0267/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 14/9/2011 là: 7.107.084.449 (bảy tỷ một trăm linh bảy triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm bốn chín) đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.505.634.020 đồng; lãi trong hạn là: 171.960.337 đồng; lãi quá hạn là: 5.429.490.092 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P chưa thanh toán hoặc không thanh toán được khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011 nêu trên, đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích 82m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2 tầng, diện tích sủ dụng 150m^2 tại xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng) được Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R866966 ngày 17/5/2001 đứng tên chủ sở hữu bà Trịnh Thị T theo Hợp đồng thế chấp số 0348/HDTC-GPBHP/09 ký ngày 11/11/2009, số công chứng 796.KD/09.TCTS, quyển số 03.TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 3 thành phố Hải Phòng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ bảo đảm mà bà Trịnh Thị T phải chịu trách nhiệm là toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0123/2011/HĐTD/GPB-HP ngày 11/5/2011.

Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải nộp 115.107.000 (một trăm mười lăm triệu, một trăm linh bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.356.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005809 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ doanh nghiệp tư nhân P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười